



mǎ zōng

马鬃

noun · horse's mane

Example Sentence

Zhè pǐ mǎ de zōng máo yòu cháng yòu mì yóu qí shì tā de mǎ zōng fēi cháng piào liang
这匹马的鬃毛又长又密，尤其是它的马鬃非常漂亮。

This horse's mane is long and thick, especially
its horse's mane is very beautiful.

Trace each character, then write the word on your own.

马	马	马	马	马	马						

鬃	鬃	鬃	鬃	鬃	鬃	鬃	鬃	鬃	鬃	鬃	鬃
鬃	鬃	鬃	鬃	鬃	鬃	鬃	鬃	鬃	鬃	鬃	鬃
